

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2021/DS-PT**

Ngày: 22/01/2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Vĩnh Yên**.

Các Thẩm phán: Ông **Vũ Hồng Luyến**.

Bà Đỗ Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Ngọc Tú** – Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà **Vũ Thị Mỹ Liên** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số : 256/2020/TLPT-DS ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Z4, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2020/QĐ-PT ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số : 09/2021/QĐ-PT ngày 13/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông NG, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số X1, xã Y1, huyện X1, tp Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1/Chị L, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số X2, Xã Y2, huyện Z2, tỉnh Bạc Liêu.
(Theo hợp đồng ủy được văn phòng công chứng AL, huyện X1, thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30/5/2019.)

2/ Ông Y, Sinh năm: 1981.

Địa chỉ liên lạc: Số X3, thị trấn Y3, huyện X1, Thành phố Hồ Chí Minh. Là Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy được văn phòng công chứng AL, huyện X1, thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 25/12/2020)

- Bị đơn: Chị TH, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số X4, xã Y4, huyện Z4, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị A, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số X5, Xã X5, huyện Z5, tỉnh Đồng Nai. (Giấy ủy quyền được UBND xã Y4, huyện Z4, tỉnh Đồng Nai chứng thực ngày 12/8/2019)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà NH, sinh năm 1944.

Địa chỉ: ấp Xóm Hồ, xã Y4, huyện Z5, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của Bà NH: Chị A, sinh năm 1984 .

Địa chỉ: X5, Xã X5, huyện Z5, tỉnh Đồng Nai (Giấy ủy quyền được UBND xã Y4, huyện Z4, tỉnh Đồng Nai chứng thực ngày 12/8/2019).

(Chị L, Chị A và Ông Y có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2019, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn Ông NG ủy quyền cho Chị L trình bày:*

Năm 2017 đến năm 2018 Ông NG nhiều lần cho Bà TH mượn tiền. Số tiền là 5.000.000.000đồng (năm tỷ đồng). Việc vay mượn được Chị TH xác nhận theo giấy xác nhận lập ngày 01/3/2019 (nhằm ngày 25/01/2019). Và cam kết trong vòng 20 ngày Bà TH sẽ thanh toán số tiền đã mượn. Đến ngày 21/3/2019 Bà TH vẫn không thực hiện việc trả nợ.

Ngày 17/4/2019 Bà TH tiếp tục làm giấy xác nhận với Ông NG về việc có mượn số tiền 5.000.000.000đồng và hứa đến ngày 27/4/2019 sẽ trả tiền cho Ông NG. Tuy nhiên đến ngày này Bà TH không trả được cho Ông NG nên Bà TH tiếp tục làm giấy xác nhận và cam kết đến 29/4/2019 Bà TH sẽ trả cho Ông NG ít nhất 500.000.000(năm trăm triệu đồng) trong tổng số tiền 5.000.000.000đồng (năm tỷ đồng) Bà TH mượn của Ông NG.

Việc mượn tiền không có tính lãi. Thời hạn trả nợ theo giấy xác nhận lập ngày 27/4/2019 Bà TH sẽ trả cho Ông NG số tiền 5.000.000.000đồng vào ngày 29/4/2019. Việc vay mượn không có thế chấp bất kỳ tài sản gì.

Ông NG và Bà TH có quan hệ quen biết nhau ngoài xã hội. Việc Ông NG cho Bà TH mượn tiền đã được thể qua các giấy xác nhận nợ. Do Ông NG cho Bà TH mượn tiền nhiều lần nên hai bên đã chốt lại bằng giấy xác nhận nợ. Những giấy tờ trước đó hai bên đã thống nhất hủy để tránh trường hợp nhầm lẫn. Do đó Chị TH mới ký giấy xác nhận khoản nợ 5.000.000.000đồng với Ông NG.

Nay, Đại diện cho Ông NG tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc Bà TH phải trả số tiền nợ gốc 5.000.000.000đồng trả một lần ngay sau khi có bản án, không yêu cầu tính lãi. Ông NG chỉ yêu cầu Bà TH là người nợ tiền phải trả cho Ông NG 5 tỷ đồng. Đối với Bà NH là mẹ Bà TH có ký tên bảo lãnh trong giấy nợ thì ông Nghĩa không yêu cầu Bà NH phải cùng trả nợ. Tôi khẳng định là Ông NG không có ép buộc Chị TH ký giấy xác nhận nợ mà do Chị TH tự nguyện.

Trong đoạn ghi âm giữa Ông NG với anh Đồng có nhắc tới 3 tờ giấy nợ chính là ba tờ giấy xác nhận đề ngày ngày 17/4/2019, ngày 27/4/2019, ngày 1/3/2019 mà Ông NG đã nộp cho Tòa án. Ngoài ra Ông NG không còn tờ giấy nào khác để nộp cho Tòa. Vì theo Ông NG đã trình bày do Chị TH mượn nhiều lần tiền để tránh trường hợp nhầm lẫn nên hai bên đã thống nhất hủy các tờ giấy trước đây và Chị TH đã viết lại các tờ giấy xác nhận nợ sau này.

*** Chị A là đại diện theo ủy quyền của bị đơn Chị TH trình bày:**

Đại diện cho Chị TH tôi xác nhận là giữa Chị TH và Ông NG có việc vay mượn diễn ra. Tuy nhiên, số tiền vay theo Chị TH khai chỉ hơn một tỷ đồng, Chị TH nhớ khoảng 1.200.000.000đ hoặc 1.300.000.000đồng. Chị TH có quen biết anh Nghĩa là qua anh Sáng làm nghề chạy xe ôm. Anh Sáng nói cho Chị TH biết anh Nghĩa làm nghề cho vay và dẫn Chị TH đến để vay tiền. Việc vay mượn không có tính lãi cũng không có thời hạn trả nợ. Chị TH cũng không có tài sản gì cầm cố, thế chấp cho anh Nghĩa để vay tiền. Hiện Chị TH chỉ sống một mình không có chồng con.

Anh Sáng là người có ơn với nhà Chị TH nên Chị TH đồng ý trả luôn cho anh Sáng số tiền anh Sáng nợ anh Nghĩa là khoảng 200.000.000đồng. Do đó tổng số tiền mà Chị TH đồng ý trả cho anh Nghĩa là 1.500.000.000đồng.

Số tiền 5.000.000.000đồng (năm tỷ đồng) mà Chị TH phải ký xác nhận nợ anh Nghĩa là do anh Nghĩa nhiều lần đưa giang hồ đến gây áp lực cho Chị TH và mẹ Chị TH. bắt đầu từ tháng 10/2018. Do bị đe dọa nên Chị TH đã hứa nếu công việc của chị êm xuôi chị ấy sẽ trả cho anh Nghĩa số tiền 5.000.000.000đồng. Do vậy anh Nghĩa đã bắt Chị TH phải ký giấy xác nhận sẽ trả số tiền 5.000.000.000đồng.

Khi cho vay hai bên có đưa tiền nhưng không có ghi bất kỳ giấy vay nợ nào. Chỉ về sau khi Chị TH không có khả năng trả nợ nên anh Nghĩa đã bắt Chị TH viết giấy xác nhận. các tờ giấy xác nhận nợ ngày 1/3/2019, 17/4/2019, ngày 27/4/2019 là do Chị TH viết và ký tên vào đó. Nhưng khi viết là do anh Nghĩa và những người đi cùng anh Nghĩa bắt ép Chị TH viết và ký tên. Chị TH đã nộp cho Tòa án 4 tấm ảnh màu chụp lại nhưng người đến nhà Chị TH và 1 USB có đoạn quay phim việc anh Nghĩa và những người đi cùng bắt ép Chị TH viết giấy xác nhận nợ và bắt đọc lên cho mọi người nghe. Cùng đoạn ghi âm điện thoại giữa anh Nghĩa và anh Đồng.

Nay đại diện cho Chị TH tôi không đồng ý trả cho Ông NG số tiền 5 tỷ đồng mà Chị TH chỉ đồng ý trả cho Ông NG số tiền 1,2 tỷ đồng là số tiền thực tế Chị TH có vay của Ông NG và cộng 200.000.000đ mà anh Sáng đang nợ Ông NG. Thì Chị TH đồng ý trả cho Ông NG số tiền 1,5 tỷ đồng.

*** Chị A là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà NH trình bày:**

Bà NH là mẹ ruột của Chị TH và là người kí tên bảo lãnh cho Chị TH nếu Chị TH không trả được nợ. Nguyên nhân do Ông NG đã cho rất nhiều người liên tục

đến nhà Bà NH quấy rối đe dọa dùng bạo lực và đe dọa đến mạng sống con gái bà, bà lo sợ cho con gái nên đã ký tên bảo lãnh theo yêu cầu của nhóm người Ông NG và Ông NG. Trong việc vay tiền của Chị TH, Bà NH cũng chỉ biết Chị TH có vay tiền của Ông NG, nhưng số tiền không phải năm tỷ đồng, chỉ khoảng một tỷ hơn với nhiều lần vay chứ không phải vay một lần, để có tiền lo cho chồng bà lúc ốm đau và khi chồng bà mất để lo mai táng và một phần công việc của Chị TH. Nay Ông NG đã dùng mọi cách để bắt ép bà và con gái bà ghi giấy nợ và bắt bà ký tên bảo lãnh không phải là do bà tự nguyện mà có sự ép buộc đe dọa bà và con gái bà. Ông NG đã lợi dụng thân cô thế cô của mẹ con bà, bắt mẹ con Bà NH phải ký giấy nợ như thế, nhưng thật sự Chị TH chỉ vay khoảng 1.200.000.000đ. Còn Bà NH nay gần 70 tuổi là người già yếu, lại không có tài sản làm sao bà ký bảo lãnh cho con gái bà được. Tất cả là do Ông NG ép buộc.

* Tại bản án sơ thẩm số: 17/2020/DSST ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Z4 đã tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của nguyên đơn Ông NG đối với bị đơn Chị TH.

Buộc Chị TH phải trả cho Ông NG số tiền 5.000.000.000đ (năm tỷ đồng).

Ngoài ra còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 27/8/2019 bị đơn Chị TH kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 17/2020/DSST ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Z4, tỉnh Đồng Nai và đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bị đơn kháng cáo cho rằng bị nguyên đơn ép buộc ký giấy nợ 5 tỷ đồng nhưng thực ra chỉ vay từ 1,2 đến 1,3 tỷ đồng; tại Tòa phúc thẩm bị đơn không có chứng cứ gì để chứng minh sự việc nêu trên, bị đơn có cung cấp các tấm hình và USB có nội dung nói chuyện giữa anh Nghĩa và anh Đồng nhưng không có nội dung nào cho rằng chị Thủy vay tiền từ 1,2 đến 1,3 tỷ đồng cho nên không phải là chứng cứ chứng minh cho lời khai của bị đơn là đúng. Tòa án tiến hành xác minh đối với ông Dương Khắc Chiên –Trưởng công an xã Y4 thì kết quả: *“Vào năm 2019 ngày tháng không nhớ rõ khi tôi đang trực cơ quan thì nhận được điện thoại báo tin tại nhà chị Bùi Thị Thủy Số X4, xã Y4 có 1 số người xăm mình (đang chuẩn bị gây lộn đánh nhau) nên tôi đã xuống tại nhà Chị TH để giải quyết sự việc. Nhưng khi đến nơi tôi có hỏi lại hai bên thì được trả lời là giữa hai bên không có xảy ra mâu thuẫn gì”*.

Các tấm ảnh chụp chỉ thấy Chị TH, Bà NH, Ông NG và 1 số nam giới ngồi quanh bàn uống nước, không có hình ảnh xô đẩy, giằng co.

Như vậy, căn cứ trên các lời khai này thì chưa có cơ sở xác định khi viết giấy xác nhận nợ Chị TH bị ép buộc hay đe dọa. Tại phiên tòa sơ thẩm khi HĐXX hỏi Chị TH tại sao bị ép nhiều lần mà không trình bày chính quyền nhưng người đại diện chị A khai

do không hiểu biết pháp luật cũng là chưa thuyết phục. Ông NG không thừa nhận lời khai của Chị TH.

Về số tiền vay, Ông NG xác định cho Chị TH vay nhiều lần, việc giao tiền cho Chị TH có khi thông qua anh Sáng, có khi giao trực tiếp cho Chị TH, có khi gửi qua tài khoản nhưng các lần vay tiền đó ông và Chị TH đã thống nhất xé bỏ vì Chị TH đã viết giấy xác nhận tổng số nợ. Chị TH không chứng minh được mình chỉ vay của Ông NG số tiền từ 1,2 đến 1,3 tỷ đồng. Vì vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo. Do đó đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS xử y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Chị TH làm trong hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về kháng cáo của bị đơn Chị TH: Cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập làm rõ những chứng cứ và chưa xem xét đánh giá chứng cứ khách quan theo đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Do đó đề nghị, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xem xét giải quyết vụ án trên đúng theo quy định của pháp luật theo trình tự phúc thẩm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Tại cấp phúc thẩm bị đơn kháng cáo cho rằng bị nguyên đơn ép buộc ký giấy nợ 5 tỷ đồng nhưng thực ra chỉ vay từ 1,2 đến 1,3 tỷ đồng và bị đơn có cung cấp các tấm hình và USB có nội dung nói chuyện giữa anh Nghĩa và anh Đồng nhưng không có nội dung nào cho rằng Chị TH vay tiền từ 1,2 đến 1,3 tỷ đồng cho nên không phải là chứng cứ chứng minh cho lời khai của bị đơn là đúng Hơn nữa ông C trưởng Công an xã Y4 **cũng xác định không có sự việc xảy ra mâu thuẫn giữa hai bên như Chị TH khai.** Đồng thời tại cấp phúc thẩm bị đơn cũng không cung cấp cho tòa án chứng cứ gì mới cho nội dung kháng cáo của mình. Tại phiên tòa các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện và giấy nợ ghi 5.000.000.000 đồng bị đơn đều thừa nhận là chữ ký và chữ viết của bị đơn do nguyên đơn ép buộc ký nhưng bị đơn không có chứng cứ gì để chứng minh là mình bị ép buộc ký nhận nợ trong khi bị đơn đầy đủ năng lực hành vi dân sự Chị TH đã ký đến 03 lần xác nhận nợ không thể nào cho rằng bị ép buộc. Chị TH nộp cho Tòa án 04 tấm ảnh màu chụp và 01 USB có đoạn quay phim việc anh Nghĩa và những người đi cùng bắt ép Chị TH viết giấy xác nhận nợ và bắt đọc lên cho mọi người nghe. Cùng đoạn ghi âm điện thoại giữa anh Nghĩa và anh Đồng. Các chứng cứ nêu trên cũng không xác định được việc Chị TH bị ép buộc ký. Từ những phân tích, nhận định trên cho thấy cấp sơ thẩm xử buộc bị đơn chị Bùi Lê Thủy phải trả cho nguyên đơn Ông NG số tiền là 5.000.000.000đ là đúng quy định của pháp luật.

Do đó kháng cáo của Chị TH không được chấp nhận; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Chị TH phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng Chị TH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0000675 ngày 14/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Z4.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị TH phải chịu 113.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh NG số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.500.000 theo biên lai thu số 0000716 ngày 29/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Z4.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Căn cứ vào các; Điều 357, 463, 466, 468 Bộ Luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Chị TH.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Z4, tỉnh Đồng Nai.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ” của nguyên đơn Ông NG đối với bị đơn Chị TH.

Buộc Chị TH phải trả cho Ông NG số tiền 5.000.000.000đ (năm tỷ đồng).

Về án phí: Chị TH phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng Chị TH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0000675 ngày 14/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Z4.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị TH phải chịu 113.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh NG số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.500.000 theo biên lai thu số 0000716 ngày 29/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Z4.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐN;
- TAND huyện Z4;
- Chi cục THADS huyện Z4;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Vĩnh Yên

****Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Các đươ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Vĩnh Yên

